TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2018.
V/v: Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Các vị Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám.

2. Ông Lê Văn Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thành Thuận - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274 /2017/TLST- HNGĐ ngày 04-10-2017, về: " *Tranh chấp hôn nhân- gia đình xin ly hôn và nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Mỹ H (tự Diễm), sinh năm 1980.
- Bị đơn: Nguyễn Trung T, sinh năm 1982.
Cùng cư trú ấp PMH, xã PT, PT, An Giang.
Chị H có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23-8-2017; biên bản lấy lời khai ngày 19-3-2018 thì chị Trần Thị Mỹ H trình bày:

- Chị với anh T thành vợ, chồng vào năm 2001, có đăng ký kết hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 06-01-2004 do Ủy ban nhân dân xã PT cấp). Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, khoảng tháng 10-2017, làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn chị phải đi nơi khác mua bán, vợ chồng thường xuyên cự cải, anh T đánh chị và chính thức ly thân từ đây.

- Con chung có 01 đứa tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 03-02-2002, không sống ổn định 01 nơi mà thỉnh thoảnh sống với anh T, thỉnh thoảng sống với chị.

- Tài sản có chiếc xe hon đa WaVe Trung Quốc biển số 67 H6- 6507 anh T quãn lý sử dụng giá trị 5.000.000đ. Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

- Nợ phải thu, phải trả: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 09-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện PT thì anh Nguyễn Trung T trình bày:

- Anh với chị H thành vợ, chồng vào năm 2001, có đăng ký kết hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 06-01-2004 do Ủy ban nhân dân xã PT cấp). Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, khoảng tháng 10-2017, làm ăn thua lỗ, vì vậy vợ, chồng đi thành phố Cao Lãnh mua bán. Trong thời gian đó chị H đòi đi ra tỉnh Long An làm ăn, anh không đồng ý và cự cải, đồng thời anh dùng tay đánh chị H thì chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống, sau đó đi thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và ly thân đến nay.

- Con chung có 01 đứa tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 03-02-200.2

- Tài sản có chiếc xe hon đa WaVe Trung Quốc biển số 67-H6-6507 anh T quãn lý sử dụng giá trị 5.000.000đ. Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

- Nợ phải thu, phải trả: Không có.

Chị H yêu cầu:

- Về hôn nhân; xin ly hôn với anh T

- Về con chung được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

- Về tài sản: Đáng lẽ anh T phải chia ½ giá trị bằng tiền của chiếc xe là 2.500.000đ nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nầy.

- Về nợ phải thu; phải trả: Không có, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T yêu cầu:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn .

- Về con chung; Tùy theo nguyện vọng của con, nếu sông với ai thì người đó nuôi, anh không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chỉ có chiếc xe hon đa nhưng chị H không yêu cầu, vì vậy anh không phải chia.

- Về nợ phải thu; phải trả: Không có, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh T đã được triệu tập để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (theo bút lục các số: 22, 23, 28).

{1.4} Anh T đã được triệu tập xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

{ 2} Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân giữa chị H với anh T có đăng ký kết hôn vào năm 2004 (bút lục số 04), đây là hôn nhân hợp pháp được luật pháp bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẩn xãy ra.

- Về nguyên nhân ly thân: Chị H cho rằng vào khoảng tháng 10-2017, làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn chị phải đi nơi khác mua bán, vợ chồng thường xuyên cự cải, anh T đánh chị. Anh T cho rằng vào khoảng tháng 10-2017, làm ăn thua lỗ, vì vậy vợ chồng đi thành phố Cao Lãnh mua bán. Trong thời gian đó chị Hạnh đòi đi ra tỉnh Long An làm ăn, anh không đồng ý và cự cải, đồng thời anh dùng tay đánh chị H thì chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống, sau đó đi thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và ly thân đến nay. HĐXX xét thấy vợ chồng chung sống phải tôn trọng và bình đẳng nhau khi có mâu thuẫn xảy ra nên dùng lời lẽ giải quyết nhưng anh T lại hành hung dùng bạo lực giải quyết vấn đề làm cho mâu thuẫn càng trầm trọng, việc làm nầy đối với chế độ ta tuyệt đối nghiêm cấm, từ việc làm đó đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hạnh phúc gia đình. Mặc khác Tòa án đã có thông báo phiên họp hòa giải lần thứ 3 (bút lục các số; 34, 35, 36) để động viên vợ, chồng chung sống lại nhưng anh vẫn không đi, điều đó cho thấy hạnh phúc anh, chị không thật sự còn, có chung sống lại cũng không hạnh phúc, vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân- gia đình.

{2.2} Về quan hệ con chung: Chị H và anh T thống nhất có 01 con tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 03-02-2002. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi, anh T yêu cầu tùy vào nguyện vọng của con nếu đồng ý sống với ai thì người đó nuôi. Theo biên bản lấy lời khai ngày 13-3-2018 (bút lục số 09) thì cháu Nguyễn Quốc T yêu cầu nếu cha, mẹ ly hôn thì nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, vì vậy HĐXX giao cháu T cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Đáng lẽ anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân- gia đình nhưng chị H không yêu cầu, vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.3} Về quan hệ tài sản: Chị H, anh T thống nhất chỉ có chiếc xe hon đa WaVe Trung Quốc biển số 67 H6- 6507 anh T quãn lý sử dụng giá trị 5.000.000đ. Ngoài ra không còn tài sản nào khác. Đáng lẽ anh T phải chia ½ giá trị bằng tiền của chiếc xe là 2.500.000đ nhưng chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nầy, vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.4}Về quan hệ nợ phải thu: Chị H và anh T thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.5}Về nợ phải trả: Chị H và anh T thống nhất khai không có, vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

{2.6} Về án phí DSST: Chị H phải chịu án phí về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

{3} Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng anh T được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành phiên họp, hòa giải và xét xử nhưng không đến điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa thật sự nghiêm. Về nội dung, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ pháp luật đề nghị HĐXX xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Khoản 3 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân – gia đình năm 2015.

- Khỏan 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 271, 273, 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Chị Trần Thị Mỹ H (tự Diễm) được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

- Chị Trần Thị Mỹ H được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc đứa con tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 03-02-2002, nhưng chị H không được ngăn cản mà phải tạo điêu kiện thuận lợi khi anh T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Công nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0016182 ngày 04-10-2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT. Chị H không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Tcó quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Dũng